

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á
HAMICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đã được kiểm toán

Mục lục	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 20

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Địa chỉ: Số 40, phố 339, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Điện thoại: 04.3736 5581

Fax: 04 3736 5583

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây được viết tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, như sau:

1. Khái quát chung về Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Vốn thực góp tính đến thời điểm 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty là:

TT	Tên cổ đông	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Hữu Biền	11.436.000.000	20,11%
2	Ông Hoàng Quốc Tùng	5.000.000.000	8,79%
3	Ông Đoàn Minh Dũng	2.500.000.000	4,40%
4	Ông Lê Trung Kiên	3.000.000.000	5,27%
5	Các cổ đông khác	34.944.000.000	61,43%
Cộng		56.880.000.000	100,00%

Đến thời điểm 31/12/2010, Tổng Công ty có 02 Công ty con, cụ thể:

Công ty con:

- **Công ty TNHH Linh Sa Hamico:**
 - Vốn điều lệ **8.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 51%),
 - Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010: **4.080.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 100%)
 - Địa chỉ: Lô C13-1 đường N6, khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- **Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico**
 - Vốn điều lệ **16.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 98,5%),
 - Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010: **16.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 98,5%).
 - Địa chỉ: đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

2. Lĩnh vực kinh doanh chính trong năm 2010

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là sản xuất lắp ráp điều hòa và sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt. Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Mua bán và đại lý hàng hóa: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú. Kinh doanh du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại
- Sản xuất các mặt hàng: Cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại "METAL HANGERS";
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu: Dệt may và may mặc, nguyên liệu máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;
- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sản xuất, gia công túi nylon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Hữu Biền	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đoàn Minh Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm tháng 7/2010
Bà Đặng Thu Phương	Thành viên	Miễn nhiệm tháng 7/2010
Ông Nguyễn Hồng Tuân	Thành viên	Bổ nhiệm tháng 7/2010
Bà Trần Thị Minh Lý	Thành viên	Bổ nhiệm tháng 7/2010

Ban Giám đốc:

Ông Hoàng Quốc Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010; kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Tổng Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Cam kết của Tổng Giám đốc

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập và trình bày phù hợp với các nguyên tắc kế toán, chế độ tài chính và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

7. Cam kết của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

Hoàng Quốc Tùng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC), đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây được viết tắt là "Tổng Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình Bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico tại thời điểm 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; được trình bày phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.036.212.623	100.837.090.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.272.238.346	4.230.534.930
1. Tiền	111	V.1	12.272.238.346	4.230.534.930
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.838.553.208	65.113.537.630
1. Phải thu khách hàng	131		28.709.101.309	18.121.209.109
2. Trả trước cho người bán	132		4.125.531.899	46.985.597.514
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.920.000	6.731.007
IV. Hàng tồn kho	140		53.265.025.721	29.971.318.025
1. Hàng tồn kho	141	V.4	53.265.025.721	29.971.318.025
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.660.395.348	1.521.699.733
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.655.395.348	615.195.733
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.005.000.000	906.504.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.685.661.462	63.948.539.981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		103.437.254.167	60.727.240.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	102.436.202.996	60.727.240.606
<i>Nguyên giá</i>	222		111.765.603.813	65.568.806.940
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.329.400.817)	(4.841.566.334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	234.821.250	0
<i>Nguyên giá</i>	228		239.540.000	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.718.750)	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	766.229.921	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	270		4.248.407.295	3.221.299.375
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.875.890.546	3.221.299.375
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		372.516.749	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			215.721.874.085	164.785.630.299

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		144.605.003.704	103.805.939.554
I. Nợ ngắn hạn	310		81.072.891.479	100.309.345.345
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	51.945.738.217	42.336.211.889
2. Phải trả người bán	312		16.297.896.463	56.016.272.819
3. Người mua trả tiền trước	313		165.977.241	26.805.713
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.250.407.024	1.289.734.365
5. Phải trả người lao động	315		1.700.492.095	510.420.559
6. Chi phí phải trả	316	V.17	631.052.570	129.900.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.081.327.869	0
II. Nợ dài hạn	330		63.532.112.225	3.496.594.209
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	63.519.112.225	2.959.112.225
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.000.000	537.481.984
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.886.971.596	60.979.690.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	70.886.971.596	60.979.690.745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.880.000.000	56.880.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.006.971.596	4.099.690.745
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.23	229.898.785	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			215.721.874.085	164.785.630.299

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2010 đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	160.226.966.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	156.100.000
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK phải nộp</i>	07		156.100.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	160.070.866.352
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	137.141.339.834
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.929.526.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.387.138.355
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	8.540.759.320
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.389.868.927
8. Chi phí bán hàng	24		4.587.196.762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.321.252.746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.867.456.045
11. Thu nhập khác	31		992.915.899
12. Chi phí khác	32		435.906.883
13. Lợi nhuận khác	40		557.009.016
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.424.465.061
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.899.802.174
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	(372.516.749)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.897.179.636
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(10.101.215)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		9.907.280.851
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.*	1.741,79

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	NĂM 2010 đồng
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	202.088.886.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(209.182.695.308)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.726.272.146)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.190.462.376)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(652.633.103)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.579.458.181
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.556.617.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.640.336.110)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(31.717.065.176)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.771.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.354.294.078)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	240.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,	32	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	216.769.803.582
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(161.818.182.205)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.191.621.377
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.876.991.189
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.230.534.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(835.287.773)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.272.238.346

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đàm Thị Ái Len

Hoàng Quốc Tùng

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Vốn thực góp tính đến thời điểm 31/12/2010 là: **56.880.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty là:

TT	Tên cổ đông	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Hữu Biền	11.436.000.000	20,11%
2	Ông Hoàng Quốc Tùng	5.000.000.000	8,79%
3	Ông Đoàn Minh Dũng	2.500.000.000	4,40%
4	Ông Lê Trung Kiên	3.000.000.000	5,27%
5	Các cổ đông khác	34.944.000.000	61,43%
Cộng		56.880.000.000	100,00%

1- Tổng số các công ty con

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không có.

2- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

- **Công ty TNHH Linh Sa Hamico:**

- Vốn điều lệ **8.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 51%),
- Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010: **4.080.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 100%)
- Địa chỉ: Lô C13-1 đường N6, khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico**

- Vốn điều lệ **16.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 98,5%),
- Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010: **16.000.000.000 đồng** (tỷ lệ nắm giữ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico là 98,5%).
- Địa chỉ: đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

3- Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất: không có.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4- Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có**5- Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu trong năm 2010**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là sản xuất lắp ráp điều hòa và sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu.

6- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt. Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Mua bán và đại lý hàng hóa: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú. Kinh doanh du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại
- Sản xuất các mặt hàng: Cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại "METAL HANGERS";
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu: Dệt may và may mặc, nguyên liệu máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;
- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, gia công túi nylon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

II- KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán theo năm dương lịch của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

- Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Việt Nam đồng: các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Việt Nam đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính được chuyển đổi thành Việt Nam đồng theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào Tổng Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Tổng Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: lợi thế kinh doanh; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Phân phối lợi nhuận: lợi nhuận được phân phối căn cứ vào điều lệ hoạt động của Tổng Công ty và phương án phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận khác

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 - Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Tiền mặt	6.961.604.543	2.172.360.345
Tiền gửi ngân hàng	5.310.633.803	2.058.174.585
Cộng	12.272.238.346	4.230.534.930

03 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	0	6.731.007
Phải thu khác	3.920.000	0
Cộng	3.920.000	6.731.007

04 - Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Nguyên liệu, vật liệu	46.332.146.129	20.879.740.112
Công cụ, dụng cụ	65.258.265	167.643.755
Thành phẩm	6.652.056.430	7.754.374.920
Hàng hoá	215.564.897	1.169.559.238
Cộng	53.265.025.721	29.971.318.025

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>ĐVT: đồng</i>				
	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	36.189.164.676	9.533.742.301	19.745.374.185	100.525.778	65.568.806.940
Mua trong năm	13.015.567.111	10.587.352.374	585.950.000	68.909.092	24.257.778.577
XDCB hoàn thành	11.295.296.959	974.230.400	0	0	12.269.527.359
Tăng khác	9.990.000.000	0	0	2.136.364	9.992.136.364
Thanh lý nhượng bán	0	(322.645.427)	0	0	(322.645.427)
Số dư cuối kỳ	70.490.028.746	20.772.679.648	20.331.324.185	171.571.234	111.765.603.813
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.070.185.553	976.794.747	783.356.078	11.229.956	4.841.566.334
Khấu hao trong năm	1.289.898.910	2.151.024.414	1.072.398.876	17.923.044	4.531.245.244
Thanh lý nhượng bán	0	0	0	333.121	333.121
Tăng khác	0	(43.743.882)	0	0	(43.743.882)
Số dư cuối kỳ	4.360.084.463	3.084.075.279	1.855.754.954	29.486.121	9.329.400.817
Giá trị còn lại					
Ngày đầu kỳ	33.118.979.123	8.556.947.554	18.962.018.107	89.295.822	60.727.240.606
Ngày cuối kỳ	66.129.944.283	17.688.604.369	18.475.569.231	142.085.113	102.436.202.996

* Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để cầm cố thế chấp:

38.064.710.732 đồng

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

22.890.000 đồng

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý:

0 đồng

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

ĐVT: đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	0	0	0	0	0
Mua trong năm	224.440.000	15.100.000	0	0	239.540.000
Số dư cuối kỳ	224.440.000	15.100.000	0	0	239.540.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	0	0	0	0	0
Khấu hao trong năm	0	4.718.750	0	0	4.718.750
Số dư cuối kỳ	0	4.718.750	0	0	4.718.750
Giá trị còn lại					
Ngày đầu kỳ	0	0	0	0	0
Ngày cuối kỳ	224.440.000	10.381.250	0	0	234.821.250

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Tổng số chi phí XDCB dở dang	766.229.921	0
Trong đó những công trình lớn: <i>Xây dựng xí nghiệp tại Nam Định</i>	766.229.921	0
Cộng	766.229.921	0

14 - Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Chi phí san nền chuẩn bị mặt bằng xây dựng	3.151.336.047	3.221.299.375
Chi phí công cụ chờ phân bổ	527.608.267	0
Chi phí tư vấn niêm yết	50.000.000	0
Chi phí tiền lương của công nhân học việc	146.946.232	0
Cộng	3.875.890.546	3.221.299.375

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Vay ngắn hạn	50.665.738.217	42.336.211.889
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.280.000.000	0
Cộng	51.945.738.217	42.336.211.889

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 đồng	01/01/2010 đồng
Thuế giá trị gia tăng	969.452.515	9.419.345
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.803.640.481	56.325.099
Thuế xuất, nhập khẩu	4.230.144.957	1.223.989.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.169.071	0
Cộng	9.250.407.024	1.289.734.365

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17 - Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Phí hạ tầng phải trả Ban quản lý KCN Châu Sơn - Hà Nam	36.520.000	129.900.000
Chi phí lãi vay phải trả	594.532.570	0
Cộng	631.052.570	129.900.000

18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Bảo hiểm xã hội	161.327.869	0
Ông Nguyễn Hữu Biên	920.000.000	0
Cộng	1.081.327.869	0

20 - Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
a - Vay dài hạn	63.519.112.225	2.959.112.225
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Thái Bình	399.112.225	2.959.112.225
Trái phiếu phát hành	63.120.000.000	0
Cộng	63.519.112.225	2.959.112.225

22 - Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

ĐVT: đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	56.880.000.000	0	0	4.099.690.745	60.979.690.745
Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0
Lãi trong kỳ	0	0	0	9.907.280.851	9.907.280.851
Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	56.880.000.000	0	0	14.006.971.596	70.886.971.596

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	đồng	đồng
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	56.880.000.000	56.880.000.000
Cộng	56.880.000.000	56.880.000.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010
	đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	56.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0
+ Vốn góp cuối kỳ	56.880.000.000

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

d - Cổ phiếu

	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.688.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.688.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.688.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.688.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.688.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2010
	đồng
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.226.966.352
- Doanh thu bán hàng	159.893.749.848
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	333.216.504
26 - Các khoản giảm trừ doanh thu	156.100.000
Trong đó:	
Thuế tiêu thu đặc biệt	156.100.000
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.070.866.352
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	159.737.649.848
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	333.216.504
28 - Giá vốn hàng bán	
	Năm 2010
	đồng
Giá vốn của hàng hoá đã bán	136.917.474.063
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	223.865.770
Cộng	137.141.339.834
29 - Doanh thu hoạt động tài chính	
	Năm 2010
	đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.771.098
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.963.362.112
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	381.005.145
Cộng	4.387.138.355

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30 - Chi phí tài chính

	Năm 2010
	đồng
Lãi tiền vay	4.389.868.927
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.202.212.154
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	453.552.220
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi	100.000.000
Lãi trái phiếu phát hành phải trả	395.126.019
Cộng	8.540.759.320

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010
	đồng
Tổng lợi nhuận tính thuế	14.073.084.419
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.799.604.348
- Ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	1.899.802.174
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.899.802.174

32 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2010
	đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(372.516.749)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(372.516.749)

*** - Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010
	đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.907.280.851
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.907.280.851
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.688.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.741,79

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico Số 02/2011/KSD/NQ-HĐQT ngày 11/01/2011 về việc thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu KSD_CB2010 năm 2011 thì ngày 10/02/2011 là thời hạn chuyển đổi của 80% lượng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (tương đương với 504.960 trái phiếu). Trái phiếu được chuyển đổi theo tỷ lệ 1:10 (mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng). Tổng số cổ phần sau khi chuyển đổi từ trái phiếu là 5.049.600 đồng.

Kết quả chuyển đổi trái phiếu phát hành đợt 1 (ngày 10/02/2011)

- Tổng số trái phiếu đã phát hành:	631.200 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu phát hành:	100.000 đồng
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành:	63.120.000.000 đồng
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành đã thu được tiền:	63.120.000.000 đồng
- Số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi tại ngày 10/02/2011:	504.960 trái phiếu

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Số lượng trái phiếu phát hành đã thực hiện chuyển đổi:	504.950 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu chưa thực hiện chuyển đổi:	126.250 trái phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi từ trái phiếu:	5.049.500 cổ phiếu
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2010:	56.880.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 23/01/2011:	107.375.000.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành trên thị trường kể từ ngày 23/02/2011:	10.737.500 cổ phiếu.

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính mà chưa được thuyết minh.

5 - Số liệu đầu kỳ

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu chuyển tiếp từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên (từ ngày 29/9/2009 đến ngày 31/12/2009) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) và có phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

6 - Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Đàm Thị Ái Len****Hoàng Quốc Tùng**